

THAY ĐỔI TRUYỀN THỐNG VÀ TÍNH HIỆN ĐẠI ĐÔ THỊ

GS. TS Rüdiger Korff*, ThS Sandra Kurfuerst**

Các đô thị có một số diện mạo đáng ngạc nhiên. Cụ thể, như Fernand Braudel chỉ rõ, "Những bộ máy biến đổi và tăng tốc mọi thay đổi". Kết quả này, như Henri Lefebvre và gần đây hơn là Manuel Castells ghi chép từ địa điểm không gian xã hội riêng biệt của họ như là các giao điểm nối các luồng và mạng lưới đa khu vực và toàn cầu. Đô thị không có gì đặc biệt, ngoại trừ đó là nơi tất cả cùng nhau đến. Các chợ đô thị liên kết thành phố với vùng nội địa, đất nước và các thị trường thế giới. Bộ máy hành chính tập trung lại với nhau và liên kết qua thành phố các vùng miền của một quốc gia, và các điều kiện thuận lợi về giáo dục từ các trường đại học đến tiểu học tạo điều kiện để con người tiếp cận được kiến thức toàn cầu. Theo quan điểm trung tâm của Peter Hall, sự tích hợp khiến cho các sự đa dạng và những khác biệt được xích lại với nhau trong một đô thị, tạo nên một "không gian tiến hoá" của đô thị.

Trước khuôn khổ không gian của giao điểm đô thị này, chúng ta phải bổ sung một chiều cạnh thời gian: Đô thị làm cho quá khứ, hiện tại và tương lai xích lại gần nhau hơn. Theo một cách rất đơn giản, việc liên kết của quá khứ, hiện tại và tương lai do thực tế đơn giản đô thị là môi trường được xây dựng nên. Một đô thị đã được tạo ra theo cách hoạch định nhiều hay ít do tập quán con người, ám chỉ rằng xây dựng mới cái gì đó, đòi hỏi phải phá bỏ cái gì đó đã cũ. Đôi khi việc phá bỏ này là do sự tàn phá trong các cuộc chiến tranh. Từ xưa đến nay, chiến tranh luôn bao hàm việc kẻ thù tàn phá các thành phố. Một khi các thành phố bị tàn phá, kẻ thù sẽ làm mất đi văn hoá, tinh thần và khả năng cũng như ý chí để tiếp tục chiến đấu. Những tai hoạ thiên nhiên như lũ lụt, động đất, núi lửa là những kẻ tàn phá khác của các thành phố, cũng như hoả hoạn, ít nhiều đã thường xuyên xảy ra. Trước đây các vụ hoả hoạn này đã phá huỷ những vùng rộng lớn của các thành phố và do đó đã được tính đến và đòi hỏi tái thiết.

Hãy nhớ rằng các thành phố rất dễ bị thảm hoạ thiên nhiên, đáng ngạc nhiên là hầu như tất cả các hệ thống đô thị, ở nhiều vùng hay toàn cầu, là rất cũ. Tuy nhiên, ở Đông Nam Á, chúng ta có cùng sự tồn tại thú vị về các truyền thống đô thị cũ và tính hiện đại do chủ nghĩa thực dân để lại. Các truyền thống đô thị, như những gì Wolters đã nói đến là các thành phố của các nhà nước nội địa phụ thuộc vào sản xuất của nông dân hay các bến cảng là những điểm nút trong các mạng lưới buôn bán quốc tế. Hệ thống đô thị của

* ** Trường Đại học Passau, Cộng hoà Liên bang Đức.

các thành phố này có từ 500 đến 1.000 năm. Các thành phố như Hà Nội, Ayudhya, Ava, Yogyakarta và Malakka... để cho chúng ta phải nhớ đến. So với các thành phố cổ này hầu hết trong đó nằm ở các vùng đất màu mỡ, các thành phố thuộc địa thì gần đây hơn. Các thành phố này nằm ở các vùng kém màu mỡ, thường ngập nước sát với bờ biển, vì chức năng của nó là liên kết vùng thuộc địa qua các mạng lưới khai thác đến từng các trung tâm thuộc địa. Ở đây, chúng ta có các thành phố như Singapore, Yangoon, Sài Gòn/Thành phố Hồ Chí Minh và Batavia/Jakarta hoặc Manila. Trong khi ở những thành phố sau quá khứ thuộc địa tạo ra truyền thống đô thị chính, ở những thành phố trước chúng ta có vấn đề công nhận vai trò lịch sử và trước thực dân.

Sau đây là một số dữ liệu về Hà Nội đã được bổ sung

Trong cuộc thảo luận của ông về ký hiệu học kiến trúc, Eco phân biệt một chức năng thứ nhất liên quan đến việc sử dụng trực tiếp một dạng kiến trúc và chức năng thứ hai của nó có ý nghĩa tập hợp và liên kết. Sự khác biệt này nhắc nhở ta về thảo luận của Marx về hai khía cạnh của hàng hoá, một mặt có giá trị sử dụng, mặt khác là có giá trị trao đổi. Các chức năng hoặc giá trị này không cố định mà thường được xác định lại. Một ngôi đền, trước kia từng là một trung tâm học tập có thể biến thành một đài kỷ niệm hoặc viện bảo tàng. Dinh thự của một thống sứ biến thành văn phòng các phó thủ tướng sau ngày độc lập v.v...

Tính hiện đại ở đô thị

Trong nghiên cứu về "The Fall of Public Man", Richard Sennett đã có nhận xét mang tính khiêu khích rằng trong nhiều thế kỷ qua, các thành phố đã được xây dựng theo nghĩa rõ ràng và dễ hiểu. Thành phố được hiểu bởi người dân của nó. Nói cách khác, nghĩa tập hợp và liên kết là đúng nghĩa. Ông tiếp tục nhận xét rằng chỉ trong những thập kỷ qua, khi bắt đầu quy hoạch đô thị, dường như ý nghĩa chung như vậy đã mất đi. Nhìn vào các thành phố ở châu Âu và nhất là các thành phố ở Đức từ những năm 50 đến những năm 70, người ta đã nỗ lực xây dựng lại các thành phố này sau khi bị chiến tranh tàn phá để "đổi mới" chúng. Một nhiệm vụ nổi bật trong những năm 50 là cung cấp chỗ ở. Đặc biệt ở Tây Đức, nhà ở bị phá huỷ khắp nơi và nhiều người dân không có nhà ở. Sau đó thêm hàng triệu người tị nạn không có nơi nương tựa. Đây là thời gian mà các khoảnh đất và các thành phố mới ở các vùng ngoại vi được xây dựng. Chức năng này đã trội hơn. Đáng tiếc, vấn đề này vẫn diễn ra vào những năm 70. Các vùng cũ của thành phố đã bị phá huỷ để nhường chỗ cho các đường quốc lộ mới, các văn phòng, toà nhà v.v... Trong quá trình này, các thành phố đã mất đi hầu hết lịch sử và sự hấp dẫn của nó.

Ngày nay, chúng ta có thể thấy được sự xuất hiện của một dạng đô thị toàn cầu. Các ý tưởng quy hoạch đô thị và dĩ nhiên là một đô thị đẹp nếu muốn đã trở nên được tiêu chuẩn hoá chắc chắn nhất là bởi các chương trình giảng dạy về quy hoạch đô thị khá giống nhau ở tất cả các trường đại học. Đặc biệt là các dự án lớn thường được văn phòng kiến trúc quốc tế hoạch định và xây dựng và thị hiếu về những gì mà khách hàng thích cũng đã ngày càng được tiêu chuẩn hoá. Lịch sử của một đô thị cụ thể và các nền văn hoá chỉ còn là biểu tượng. Một ví dụ tiêu biểu là hàng loạt khách sạn quốc tế, trông như vậy nhưng không phải vậy!

Ngoài vấn đề này ra, đó là xây dựng lại các đô thị theo định hướng thị trường toàn cầu, chúng ta có các tổ chức quốc tế đưa ra các vấn đề của các đô thị, không lo lắng vì đây là các vấn đề hoàn toàn giống như ở khắp nơi trên thế giới. Một là sự đẩy ra ngoài lề và sự mọc lên các khu nhà ổ chuột. Thực tế, Davis hình dung ra một "hành tinh các khu nhà ổ chuột". Sau đó có các vấn đề cấp nước cho một thành phố, và làm thế nào để thoát khỏi vấn đề này, về thực phẩm v.v... cũng như tắc nghẽn giao thông và v.v... Đôi khi các vấn đề này được thực hiện thành những tầm nhìn tiêu cực của một thảm hoạ đô thị. Thật thú vị, các tầm nhìn hoạch định tích cực và tiêu cực thường có trọng tâm của nó về khía cạnh kỹ thuật và công cụ của chủ nghĩa đô thị. Mà một đô thị được làm bởi dân do đó thường bị quên lãng. Có nguyên nhân về điều này. Các giải pháp kỹ thuật có thể được dự kiến, và mong rằng các giải pháp hữu hiệu tự động dẫn đến một cuộc sống tốt hơn trong đô thị. Hơn nữa, các giải pháp kỹ thuật được dựa vào chuyên môn, trong khi giả sử rằng hầu hết người dân sống ở một đô thị không có chuyên môn thành thạo. Ở điểm này ám chỉ một loại tương tự với xe ô tô. Hầu như những người lái xe và sử dụng xe không biết là xe hoạt động thế nào. Tất cả chúng ta đều trông cậy vào nhân viên kỹ thuật để sửa chữa nó. Những xe được chế tạo và có kiểu dáng đẹp thường khiến người sử dụng cảm thấy vui sướng. Họ làm những gì được mong đợi. Tại sao vấn đề này cũng không nên có giá trị đối với các đô thị?

Điểm trọng tâm về kỹ thuật của sự phát triển đô thị tuân theo sự bình ổn giá tư bản chủ nghĩa về kiến trúc. Sự phát triển, cụ thể như những phong trào về văn hoá, tôn giáo và chính trị khác hoặc những diễn thuyết về sự thay đổi, được kèm theo những hứa hẹn về một cuộc sống tốt đẹp hơn. Chỉ bằng những hứa hẹn ngảm như vậy, các phong trào này có lý lẽ và ý nghĩa. Trong bối cảnh này, các công cụ, công nghệ v.v... có lợi rõ ràng cho các tôn giáo, dùng sự giải thoát của họ sang một cuộc sống sau, hoặc các phong trào văn hoá luôn đòi hỏi sự đau khổ chịu đựng. Các công nghệ hoàn thành tốt những hứa hẹn đến mức độ khá lớn làm thoả mãn hầu hết người dân, vì chúng tăng thêm điều kiện đến một mức rất cao. Do đó các công nghệ có thể tự hợp pháp hoá bằng sự thành công của chúng.

Các công nghệ và công cụ được liên kết chặt chẽ với hiệu dụng và khuyến khích và vì thế liên kết với kinh tế học. Trong việc kết hợp kinh tế và công nghệ cả hai được tách rời nhau và đưa ra những mục đích và mục đích riêng của chúng theo nghĩa (tăng trưởng) nhiều hơn, tốt hơn, nhanh hơn v.v... Câu hỏi là tại sao nhiều hơn lại tốt hơn, về cơ bản là một vấn đề về chính trị và đạo đức và vì thế nằm ngoài sự phát triển kỹ thuật và nền kinh tế. Kinh tế học hiện đại, dựa vào những mô hình tối đa hoá hiệu dụng và khuyến khích là sự diễn đạt rõ ràng nhất về động lực học tự xác định này. Tính hợp lý là tối đa hoá hiệu dụng và hành vi theo khuyến khích. Do đó sự phát triển phải bắt đầu qua khuyến khích như vậy. Ngoài ra, các công nghệ cũng như kinh tế chấp nhận sự tạo mẫu, mô phỏng và sự tính toán có thể. Căn cứ vào các mô hình thích hợp, có thể phân tích hiệu quả và chức năng là cơ sở để đưa ra quyết định có tính chính trị. Không thể bác bỏ những vấn đề cơ bản. Một chút trọng tâm đưa ra cũng là một vấn đề để thảo luận rộng rãi, cách hoạt động của nền kinh tế không nằm trong phạm vi thảo luận như vậy. Cuộc thảo luận được giới hạn cho các chuyên gia qua mô hình thích hợp nhất mà sẽ tượng trưng cho sự thực tế tốt nhất.

Với sự gia tăng của các công nghệ và kinh tế học tự do, sự biến mất của không gian và do đó toàn cầu hoá là có thể, cùng với sự gia tăng của các tổ chức toàn cầu như các tổ chức phát triển. Họ đi theo cái logic của sự hợp lý về công cụ với các mục tiêu rõ ràng và

tự hợp pháp hoá dưới dạng tầm nhìn phát triển như đưa vào các mục tiêu nghìn năm, mà hầu như không ai có thể bàn cãi. Như nêu rõ, “càng nhiều tổ chức trông mong vào các luồng và mạng lưới này, họ càng ít bị ảnh hưởng bởi bối cảnh xã hội kèm theo việc xác định địa điểm của họ. Từ đây đi theo sự độc lập không ngừng của cái logic tổ chức với logic xã hội: một xu hướng chúng ta có thể gọi là "quan liêu hoá" theo nghĩa của Weberian, tức là, tính vượt trội sự hợp lý của phương tiện đối với sự hợp lý của mục tiêu.” (Castells 1991:170).

Những thuận lợi của hợp lý công cụ là rõ ràng. Tuy nhiên, các kỹ thuật tạo ra hàng hoá, hay hoàn thành hứa hẹn trong bối cảnh đô thị? Đối với Lefebvre (1972, 1976, 1991) công nghiệp hoá và hiện đại hoá là hai mặt của quá trình tương tự, tức là sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Công nghiệp hoá tiêu biểu cho khía cạnh công cụ, sự phát triển quá nhanh của các công nghệ, trong khi đô thị hoá được liên kết với thành phần xã hội, tạo ra công nghiệp hoá phát triển và do đó làm cân xứng quan hệ xã hội và tính vượt trội. Càng nhiều sự vượt trội của tính chất qua sự hợp lý công cụ đã khiến công cụ trở nên thích hợp để chi phối xã hội, đô thị hoá đã bị khuất phục dưới sức ép của sản xuất công nghiệp. (Lefebvre 1972:188). Tuy nhiên, đô thị không có kết cấu từ sự hợp lý công cụ như từ "định cư con người" bao hàm, mà nó là một trung tâm của các hoạt động tương hỗ, trao đổi, liên kết. Chúng vẫn chịu được kết cấu của đô thị hướng tới tính công cụ và mặt chức năng thuần túy. Công việc chức năng rất giỏi ở một nhà máy nhưng ai muốn sống trong một nhà máy?

Một đánh giá tóm tắt về các công việc hiện nay chỉ rõ các đô thị được thuần hoá và ràng buộc bởi các công nghệ ít như thế nào? Những khó khăn nếu không thể không xảy ra đối với quy hoạch đô thị là hiển nhiên ở tất cả các đô thị lớn. Như được nêu rõ trong Báo cáo Habitat 2001: “Các đô thị là các vùng chiến lược và thậm chí sẽ là những nơi mà nhiều người quan tâm tìm cách tối đa hoá lợi nhuận, nhưng đó cũng là nơi quân chúng địa phương và xã hội dân sự đưa ra những yêu cầu đòi hỏi mới để khẳng định quyền của họ đối với những nơi đô thị có thể chung sống.” (Habitat 2001:75)

Những thách thức ở đô thị

Tất nhiên, kích thước kỹ thuật của các đô thị có sự liên quan mang tính quyết định. Tuy nhiên, như các nguồn lịch sử và bằng chứng hiện nay cho thấy nhiều cơ sở hạ tầng đô thị có liên quan chặt chẽ với các hoạt động ở địa phương. Nhiều cơ sở hạ tầng được chính người dân dựng lên, nhất là ở các khu nhà ổ chuột hoặc các khu ven đô mà không liên quan với bộ máy hành chính đô thị. Nhiều cơ sở hạ tầng do chính quyền đô thị cung cấp được xây dựng do người dân đòi hỏi và những áp lực chính trị. Hơn nữa, nhiều dự án từ các công trình xây dựng đến đường phố, giao thông công cộng, đường giao thông và các đô thị được gọi là tư nhân được cung cấp bởi các doanh nghiệp tư nhân. Vì vậy sự phát triển về vật chất của bất kỳ đô thị nào đều do các hoạt động và sáng kiến hết sức đa dạng. Các công nghệ là hiệu quả rồi sau đó là nguyên nhân để phát triển đô thị.

Từ viễn cảnh xã hội học phát triển hai khía cạnh tạo ra thành phố, đó là đô thị học và nền văn minh. Tôi định nghĩa đô thị học là các hình thức thể chế hoá cụ thể được thực hiện như thế nào đó để đối phó với tính hỗn tạp và nhiều tính đa dạng. Về vấn đề này, lĩnh vực công có tính quyết định. Do đó chúng ta có thể nói càng ít về đô thị không có thị trường, chứ chúng ta không thể nói về đô thị không có cuộc sống cộng đồng. Như

Wuthnow chỉ rõ, cả hai thường được liên kết với nhau. Hiểu về thể chế hoá theo Eisenstadt là một quá trình được cạnh tranh, mỗi đô thị phát triển theo các dạng đô thị riêng của nó. Tuy nhiên, những dạng này được khái quát hoá qua các hệ thống đô thị. Càng nhiều hệ thống đô thị này đã trở thành một hệ thống thành phố toàn cầu, đô thị học đang trở nên xa cách khỏi đô thị riêng và đang toàn cầu hoá. Đồng thời trong mỗi đô thị được khoanh vùng các dạng đô thị học tiến hoá kết hợp và trái với đô thị học toàn cầu. Kết quả là văn hoá toàn cầu chủ yếu là văn hoá đô thị. Điều này có hai hàm ý là các thành phố ở các nước đang phát triển cho thấy nhiều nét giống với các thành phố ở Tây Âu hoặc Mỹ, ngày càng nhiều thành phố ở châu Âu và Mỹ phô ra các đặc điểm của loại thành phố thế giới thứ ba. Here Soja (1989) nêu rõ: “Có vẻ nghịch lý trừ sự sát nhau có tính phụ thuộc nhau về chức năng là các đặc điểm thu nhỏ của thành phố Los Angeles hiện đại. Tập trung lại ở đây đặc biệt là những minh hoạ sống động của nhiều quá trình và kiểu mẫu khác nhau kết hợp với sự cơ cấu lại xã hội của cuối thế XX... Người ta có thể thấy ở Los Angeles không chỉ là các khu liên hợp công nghiệp công nghệ cao ở Silicon Valley và kinh tế vững chắc và không ngừng ở Houston mà còn là những vùng lân cận đô thị bị phá sản và suy yếu về công nghiệp có ảnh hưởng sâu rộng ở Detroit hoặc Cleveland. Có một Boston ở Los Angeles, một Manhattan và một South Bronx bên dưới, một Sao Paulo và một Singapore.” (Soja 1989:193).

Các thành phố đều sôi nổi đáng ngạc nhiên. Hệ thống đô thị hiện nay đã được thiết lập trên quy mô toàn thế giới vào giữa thế kỷ XIX khi tìm thấy các thành phố thuộc địa trước đây. Ở các vùng có truyền thống đô thị lâu đời hơn, các hệ thống thành phố có từ nhiều thế kỷ và hầu hết đã tồn tại qua nhiều sự tàn phá, thăng trầm. Điều này đòi hỏi một mức độ kiểm soát bạo lực khá cao đã được thiết lập. Một mặt, bạo lực được kiểm soát qua sự ngăn chặn, trấn áp và giám sát, nhưng bởi vì việc kiểm soát bên ngoài vẫn hạn chế, tự kiểm soát là vấn đề quyết định cho sự tồn tại của một thành phố.

Nền văn minh trụ cột và đời sống cộng đồng cùng lúc tạo nên thành phố và là nền móng của nó tác động đến những nỗ lực phát triển. Lĩnh vực công khi nghiên cứu kỹ thể chế không loại trừ các chương trình phát triển và ý nghĩa và lý do của chúng phải tự hợp pháp hoá bản thân nó ngay đối với những người bị ảnh hưởng: người dân thành thị. Bởi vậy khuôn khổ đạo đức chính trị hoàn toàn biến mất trong phát triển đô thị đã trở lại và khó lòng bỏ qua trong phát triển đô thị.

Những hạn chế tiếp cận kỹ thuật đối với thành phố được minh hoạ tốt nhất bởi kiến trúc chức năng. Nhà ở do Corbusier thiết kế đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật không bao giờ hấp dẫn để ở trong đó. Do đó ngay lập tức, những người cư trú đã tiến hành mọi sửa đổi không thiết thực chút nào, nhưng rõ ràng đã đáp ứng mọi yêu cầu cho cuộc sống hàng ngày của những người cư trú. Chandigar và Brasilia là những ví dụ rõ ràng nhất.

Trong định nghĩa về đô thị học ở trên, không có liên quan đến quy hoạch đô thị. Quy hoạch đô thị dứt khoát là phương pháp thiết thực nhất đối để phát triển đô thị. Kế hoạch cố sử dụng hiệu quả không gian thoả mãn nhu cầu của thành phố và người dân của nó. Về quy hoạch đô thị nhất là quy hoạch các thành phố lớn người ta tìm thấy sự trái ngược đáng ngạc nhiên giữa các điều khoản, chính sách, sách hướng dẫn đào tạo v.v... dạy kỹ thuật quy hoạch thích hợp và những phản ánh về việc tại sao các kế hoạch tốt thường thất bại và/hoặc không được tiếp tục thực hiện. Mà không đi vào chi tiết, ảo tưởng hoạch định trở nên rõ ràng rồi khi nhìn vào một số hình vẽ cơ bản.

1. Các đô thị có khoảng 10 triệu dân lớn hơn hầu hết các bang được Liên hiệp quốc công nhận. Vậy nếu, như ví dụ của các nước xã hội chủ nghĩa nêu rõ, các kế hoạch phát triển quốc gia thường hay thất bại, vậy thì các kế hoạch đô thị có thể hoạt động như thế nào?

2. Các thành phố lớn không thể giám sát được. Thậm chí việc thu thập dữ liệu cơ bản gần như không thể đơn giản do quy mô về địa lý và dân số.

3. Dù tốc độ tăng trưởng của các thành phố lớn luôn thấp với 2 - 3%. Tuy nhiên, 3% của 10 triệu là 300.000. Điều này có nghĩa là mỗi năm thêm một thành phố lớn vào cụm đô thị hiện có. Không một đơn vị hành chính và hoạch định nào có thể đối phó được với điều này. Ví dụ, ở Calcutta, họ đang sử dụng các hình ảnh vệ tinh để tìm ra nơi xuất hiện các vùng mới của thành phố.

4. Tính đa dạng của các thành phố khiến nó phức tạp để tập hợp các dữ liệu chính xác mà có thể được sử dụng làm cơ sở quy hoạch. Hơn nữa, khó mà lường trước được tốc độ thay đổi đang diễn ra.

5. Quy hoạch một thành phố là một nhiệm vụ khá phức tạp. Những nhiệm vụ này có thể được các đơn vị hành chính giải quyết ra sao ở các nước đang phát triển mà được định nghĩa bởi sự thiếu năng lực của họ? Nếu được xem là nghiêm trọng, chúng ta nên dứt khoát yêu cầu chính quyền Bangkok mở một số khoá đào tạo xây dựng năng lực để thực hiện hoạch định Bielefeld tốt hơn.

Mặc dù hoạch định có thể là một ảo tưởng đến mức có khả năng kiểm soát và quản lý hành chính, nhưng các thành phố vẫn làm việc và vẫn hoạt động, vậy điều này là do khả năng của người dân tự mình tổ chức. Có nhu cầu về các dự án phát triển kỹ thuật không và các chuyên gia có thể giải thích với người dân thành phố và các khu phố của họ hoạt động như thế nào? Hoạch định có thể phá huỷ các thành phố nhưng tôi nghi ngờ rằng nó có thể tạo ra tính tao nhã.

Tính hiện đại khác

Theo các chuyên gia, quy hoạch đô thị đã không thể giải quyết đáng kể các vấn đề về đô thị. Ngoài ra theo các chuyên gia, tại sao không tính đến khả năng và kiến thức của người dân đô thị?

Khía cạnh cốt yếu nhất của tính bền vững đô thị là việc nó phải dựa vào sự nhất trí được thương lượng và chấp nhận chung về các mục tiêu và tầm nhìn trong tương lai (những đối mới, tầm quan trọng của lĩnh vực công, xã hội dân sự và nơi ăn ở) đối với tất cả người dân sống trong thành phố. Ý tưởng "Thành phố cho Công dân" này - được Douglass & Friedmann (1998) nêu ra - đề cập đến sự nhất trí đạt được qua một buổi thuyết trình dân chủ và những nhắc nhở đúng đắn ở khu quảng trường, là trung tâm công khai về chính trị của Polis (thành bang) (Castoriadis 1990). Do đó, phải bổ sung chuyên môn để cho phép tham gia liên quan đến các quyết định về sự phát triển sau này của các đô thị (Carley và những người khác - 2001). Về phương pháp đầu tư "đi từ trên xuống" mà chính quyền đưa ra các quyết định là phải được thực hiện cục bộ, chúng ta phải bổ sung các phương pháp đầu tư "đi từ dưới lên" hoặc "từ cấp cơ sở".

Gần đây, các phương thức mới về quản lý tổng thể, tính bền vững và sự tham gia của công dân đã ngày càng được chấp nhận rộng rãi trong chính sách đô thị hiện đại ở châu Âu và toàn thế giới. Các tổ chức siêu quốc gia như Habitat, EU, Ngân hàng Thế giới

(WB) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đều ủng hộ phương pháp đầu tư này. Sự công nhận chung này trái với việc thực hiện thực tế của nó trong các chính sách và dự án. Một lý do có lẽ là nó đòi hỏi không chỉ đưa ra các điều kiện tiên quyết về kinh tế cho sự phát triển mà còn đưa ra các điều kiện tiên quyết xã hội về mặt tự tổ chức và khả năng thích ứng cao của cộng đồng (Stiglitz 1998).

Kết luận

Trong nghiên cứu "Đô thị và Dân chúng", Manuel Castells (1983: 302) đã tiếp tục đưa ra lý lẽ rằng ý nghĩa của đô thị không được định rõ bởi các nhà xã hội học, kiến trúc sư, nhà địa lý hoặc các nhà quy hoạch đô thị mà là xã hội (và trong một mức độ rộng hơn là xã hội toàn cầu) như một ý nghĩa lịch sử và xã hội cụ thể: "Các đô thị như tất cả thực thể xã hội là các sản phẩm lịch sử, không chỉ về thực chất tự nhiên mà về ý nghĩa văn hoá của nó."

Các lĩnh vực này có thể khá rộng lớn như ví dụ Lagos đưa ra. Chính quyền thành phố quan tâm không nhiều về những gì đang diễn ra ở thành phố và hầu hết các cơ sở hạ tầng, từ giếng nước, xử lý rác thải cho đến điện và đường sá đều được những người sống trong vùng tự làm.

Đời sống công cộng chính là nền tảng cho sự xuất hiện và phát triển của cộng đồng công dân như là một đơn vị chính trị độc lập. Các chợ và các không gian công cộng thường được kết nối với nhau như Wthnow đã nêu rõ.

Về quy hoạch đô thị, điều ngạc nhiên là cần các kế hoạch như vậy. Nếu giả sử rằng thị trường là phương tiện tốt nhất để phân bổ các nguồn lực, vậy thì các kế hoạch và quy định hành chính là không cần thiết.

Nhìn vào quy hoạch đô thị của Bielefeld vào cuối những năm 60, có nhiều sự khác nhau rõ rệt. Trong nhiều trường hợp, khá may mắn là các kế hoạch này đã thất bại!